

BỘ NỘI VỤ

BỘ NỘI VỤ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 133/2005/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bản Điều lệ Hiệp hội Quý tín dụng
nhân dân Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hiệp hội Quý tín dụng nhân dân Việt Nam và của Vụ trưởng Vụ tổ chức phi chính phủ,

Hiệp hội Quý tín dụng nhân dân Việt Nam đã được Đại hội thành lập thông qua ngày 08 tháng 10 năm 2005.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo

Điều 3. Chủ tịch Hiệp hội Quý tín dụng nhân dân Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ của

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đặng Quốc Tiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

HIỆP HỘI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 133/2005/QĐ-BNV do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký ngày 14 tháng 12 năm 2005 về việc phê duyệt Điều lệ Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên gọi: Hiệp hội Quỹ Tín dụng Nhân dân Việt Nam (viết tắt là Hiệp hội QTDND Việt Nam).

2. Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là: Vietnam Association of People's Credit Fund (viết tắt là VAPCF).

3. Hiệp hội được chọn biểu tượng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hiệp hội QTDND Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hiệp hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của các QTDND nhằm mục đích tập hợp, động viên các hội viên hợp tác, hỗ trợ nhau trong hoạt động; hoạt động thường xuyên, không vụ lợi nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, đồng thời tổ chức liên kết giữa các hội viên nhằm hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần đảm bảo cho hệ thống QTDND hoạt động an

toàn, lành mạnh và phát triển bền vững, qua đó góp phần thực thi chính sách tiền tệ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Áp dụng luật, tư cách, con dấu, tài khoản

Hiệp hội hoạt động theo pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế mà Nhà nước Việt Nam tham gia hoặc công nhận. Hiệp hội có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Lĩnh vực, phạm vi hoạt động, trụ sở chính

Hiệp hội hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, có phạm vi hoạt động trong cả nước và có trụ sở chính đặt tại thủ đô Hà Nội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Hiệp hội được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chương II

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA HIỆP HỘI

Điều 6. Quyền và trách nhiệm

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn hội viên thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực hoạt động QTDND.

2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ có liên quan đến hoạt động của hệ thống QTDND và của Hiệp hội.

3. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các QTDND hội viên, của Hiệp hội trong các hoạt động nói chung và trong tranh chấp thương mại nói riêng, hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp giữa các QTDND hội viên.

4. Làm đầu mối phối hợp liên kết và thúc đẩy liên doanh, liên kết giữa các QTDND hội viên vì lợi ích của từng QTDND hội viên và của cả hệ thống QTDND, hỗ trợ các QTDND hội viên trong việc chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản lý, xúc tiến các hoạt động của QTDND.

5. Phổ biến, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức tập huấn, đào tạo nghiệp vụ cho các QTDND hội viên. Thực hiện nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ và quản lý trong lĩnh vực QTDND.

6. Cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên, tuyên truyền và trao đổi thông tin, kinh nghiệm về QTDND.

7. Thành lập và quản lý, chi hội, văn phòng đại diện, các tổ chức, đơn vị trực thuộc và quỹ an toàn theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo cho hệ thống QTDND phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững.

8. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của QTDND và của Hiệp hội theo quy định của pháp luật, phản ánh nguyện vọng, đề xuất của hội viên và kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến QTDND và Hiệp hội.

9. Phối hợp với các tổ chức, cơ quan có liên quan nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ của Hiệp hội. Thực hiện công tác tư vấn, phản biện các vấn đề thuộc lĩnh vực QTDND theo đề nghị của các tổ chức, cá nhân.

10. Được gây quỹ của Hiệp hội trên cơ sở phí đóng góp của hội viên và các nguồn thu từ các hoạt động kinh doanh dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động. Được tiếp nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và cá nhân trong, ngoài nước theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện các mối quan hệ hợp tác quốc tế, đại diện cho các hội viên gia nhập các tổ chức hội, liên minh quốc tế và khu vực hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến QTDND theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ của Hiệp hội

1. Hoạt động của Hiệp hội phải tuân thủ pháp luật và Điều lệ này.

2. Hiệp hội có nghĩa vụ thực hiện tốt các quyền và trách nhiệm của Hiệp hội nhằm phục vụ cho lợi ích của các hội viên và của Hiệp hội.

3. Hiệp hội chịu sự quản lý Nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Khi lập văn phòng đại diện phải xin phép Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện và phải báo cáo bằng văn bản với Bộ Nội vụ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Khi thay đổi Chủ tịch, Phó chủ tịch, Tổng thư ký của Hiệp hội; thay đổi trụ sở hoặc thay đổi, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Hiệp hội phải báo cáo với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Nội vụ.

6. Việc lập các pháp nhân thuộc Hiệp hội phải theo đúng quy định của pháp luật, phải báo cáo với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Nội vụ.

7. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật nói chung và các quy định về hoạt động của hội nghề nghiệp nói riêng.

8. Danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện, các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hiệp hội, các chứng từ về tài chính của Hiệp hội, biên bản các cuộc họp ban

lãnh đạo Hiệp hội được lập thành hồ sơ và lưu giữ tại trụ sở Hiệp hội.

9. Trước khi tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 30 ngày, Hiệp hội phải có văn bản báo cáo Bộ Nội vụ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

10. Hàng năm, Hiệp hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hiệp hội với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nội vụ.

11. Kinh phí thu được từ phí đóng góp của hội viên, các nguồn thu từ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật và các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức và cá nhân trong, ngoài nước theo quy định của pháp luật phải dành cho hoạt động của Hiệp hội theo quy định của Điều lệ, không được chia cho hội viên.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên chính thức

Các QTDND cơ sở, QTDND Trung ương và các tổ chức, cá nhân Việt Nam tán thành Điều lệ này, tự nguyện và có đơn xin gia nhập, được Ban Chấp hành Hiệp hội chấp nhận, đều được trở thành hội viên chính thức của Hiệp hội.

Điều 9. Hội viên liên kết và hội viên danh dự

1. Hội viên liên kết: Các tổ chức và cá nhân hoạt động tại Việt Nam có nguyện vọng, nhưng chưa mong muốn hoặc chưa đủ điều kiện trở thành hội viên chính thức, tự nguyện và có đơn xin gia nhập, được Ban Chấp hành Hiệp hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết.

2. Hội viên danh dự: Các tổ chức, cá nhân Việt Nam có uy tín, kinh nghiệm, có đóng góp tích cực cho Hiệp hội, được Ban Chấp hành Hiệp hội xem xét, công nhận là hội viên danh dự.

3. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được tham gia các hoạt động và Đại hội của Hiệp hội nhưng không được tham gia ứng cử, đề cử vào các chức danh lãnh đạo của Hiệp hội.

Điều 10. Kết nạp hội viên

Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn gia nhập Hiệp hội, Ban Chấp hành Hiệp hội phải xem xét, trả lời tổ chức nộp đơn gia nhập về việc chấp thuận hay không chấp thuận cho gia nhập Hiệp hội. Trường hợp không chấp thuận, Ban Chấp hành Hiệp hội phải nêu rõ lý do. Nếu bị từ chối, tổ chức nộp đơn gia nhập có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Đại diện của hội viên tại Hiệp hội

Hội viên là tổ chức thì người đại diện cho tổ chức đó tại Hiệp hội là người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức có thể ủy quyền cho người khác trong đơn

vị mình thực hiện quyền đại diện tại Hiệp hội.

Điều 12. Quyền lợi của hội viên

1. Hội viên được cấp Thẻ hội viên.

2. Chỉ có các hội viên chính thức là đại biểu tham dự Đại hội Hiệp hội mới được biểu quyết các công việc của Hiệp hội và được ứng cử, đề cử, bầu cử vào các chức danh lãnh đạo của Hiệp hội.

3. Được tư vấn, được cung cấp các dịch vụ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động và được hỗ trợ khắc phục các khó khăn về tổ chức, hoạt động và tài chính tùy theo khả năng của Hiệp hội.

4. Được cung cấp các thông tin về kinh tế, pháp lý, khoa học kỹ thuật và các lĩnh vực liên quan khác.

5. Được sử dụng các thông tin, tài liệu của Hiệp hội để phục vụ cho việc tuyên truyền, hoạt động và phát triển của hội viên.

6. Được tham dự các lớp đào tạo, tập huấn nghiệp vụ do Hiệp hội tổ chức.

7. Được thảo luận, đề xuất nguyện vọng và kiến nghị các vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của QTDND.

8. Được Hiệp hội khen thưởng hoặc đề nghị Nhà nước khen thưởng khi có thành tích xuất sắc.

9. Được xin ra khỏi Hiệp hội nhưng phải gửi đơn cho Ban Chấp hành Hiệp hội. Việc giải quyết cho hội viên ra khỏi Hiệp hội chỉ được xem xét sau khi hội

viên đó đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của hội viên theo quy định của Điều lệ Hiệp hội và các quy định khác của pháp luật. Ban Chấp hành Hiệp hội xem xét và quyết định cho hội viên ra khỏi Hiệp hội. Trường hợp bị từ chối, hội viên có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nghĩa vụ của Hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ của Hiệp hội, thi hành các nghị quyết của Đại hội Hiệp hội, của Ban Chấp hành Hiệp hội, tích cực phối hợp thực hiện các yêu cầu của Cơ quan Thường trực Hiệp hội.

2. Tham gia tích cực vào các hoạt động của Hiệp hội; đảm nhận những công việc khi được Ban Chấp hành Hiệp hội phân công.

3. Đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác cùng thực hiện những nhiệm vụ của Hiệp hội, xây dựng và phát triển Hiệp hội vững mạnh.

4. Cung cấp thông tin, báo cáo thường kỳ hoặc khi có yêu cầu của Cơ quan Thường trực Hiệp hội về tổ chức và hoạt động của hội viên.

5. Đóng hội phí và thực hiện đầy đủ các cam kết về tài chính với Hiệp hội đúng thời hạn quy định. Các hội viên danh dự, hội viên liên kết không phải đóng hội phí.

6. Tham dự đầy đủ các cuộc họp do Ban Chấp hành Hiệp hội triệu tập.

7. Hoàn tất các nghĩa vụ của hội viên đối với Hiệp hội khi xin ra khỏi Hiệp hội.

Điều 14. Chấm dứt tư cách hội viên

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên chấm dứt tư cách hội viên:

a) Nếu hội viên là tổ chức thì khi tổ chức đó bị đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động, bị giải thể hoặc phá sản;

b) Nếu hội viên là cá nhân thì khi cá nhân đó chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

c) Hội viên nộp đơn tự nguyện xin ra khỏi Hiệp hội và đã được Ban Chấp hành Hiệp hội xem xét, giải quyết.

2. Các trường hợp bị chấm dứt tư cách hội viên do một trong những nguyên nhân sau đây:

a) Hội viên không thực hiện đúng hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật, Điều lệ Hiệp hội, nghị quyết của Đại hội Hiệp hội và của Ban Chấp hành Hiệp hội hoặc không đóng hội phí trong 2 năm mà không được Ban Chấp hành Hiệp hội cho phép miễn, giảm hoặc gia hạn;

b) Hoạt động trái với mục đích, tôn chỉ của Hiệp hội, gây tổn hại đến uy tín hoặc tài chính của Hiệp hội.

3. Hội viên bị chấm dứt tư cách trong các trường hợp nêu tại Khoản 2 Điều này có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Tư cách hội viên khi có chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội viên

1. Các tổ chức mới được hình thành từ việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Hiệp hội, hội viên được gia nhập Hiệp hội theo quy định của Điều lệ này.

2. Tổ chức mới được thành lập trên cơ sở sáp nhập hoặc hợp nhất hai hoặc nhiều hội viên của Hiệp hội đương nhiên là hội viên của Hiệp hội nếu không có yêu cầu khác.

3. Việc xử lý các quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính của hội viên đối với Hiệp hội khi có chia, tách, sáp nhập hoặc bị giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Hội phí

Các nguyên tắc về thể thức tính và thời gian đóng hội phí do Đại hội Hiệp hội quyết định trên cơ sở đề nghị của Ban Chấp hành Hiệp hội phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC BỘ MÁY

Mục I

ĐẠI HỘI HIỆP HỘI

Điều 17. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Hiệp hội bao gồm

1. Đại hội Hiệp hội.
2. Ban chấp hành Hiệp hội.
3. Ban kiểm tra Hiệp hội.

4. Cơ quan Thường trực Hiệp hội, văn phòng đại diện, các tổ chức, đơn vị trực thuộc.

5. Chi hội.

Điều 18. Đại hội Hiệp hội nhiệm kỳ

1. Đại hội Hiệp hội nhiệm kỳ được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu, là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hiệp hội. Đại hội Hiệp hội nhiệm kỳ do Ban Chấp hành Hiệp hội triệu tập.

2. Đại hội Hiệp hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần.

3. Thể thức cử đại biểu đi dự Đại hội Hiệp hội do Ban Chấp hành Hiệp hội quy định cụ thể. Việc cử đại biểu đi dự Đại hội Hiệp hội nhiệm kỳ được áp dụng theo hình thức luân phiên.

4. Nhiệm vụ của Đại hội Hiệp hội nhiệm kỳ:

a) Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Hiệp hội nhiệm kỳ qua và quyết định các vấn đề cơ bản, phương hướng nhiệm vụ và chương trình hoạt động của Hiệp hội nhiệm kỳ tới;

b) Thông qua báo cáo kiểm điểm công tác nhiệm kỳ qua và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ tới của Ban Chấp hành Hiệp hội và Ban kiểm tra Hiệp hội;

c) Thảo luận, quyết định về phương hướng hoạt động của hệ thống QTDND và của Hiệp hội phù hợp với định hướng chiến lược của Nhà nước đối với khu vực

kinh tế tập thể nói chung và đối với hệ thống QTDND nói riêng;

d) Thảo luận, phê duyệt quyết toán nhiệm kỳ trước và kế hoạch tài chính nhiệm kỳ mới của Hiệp hội;

đ) Bầu và miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó chủ tịch, các ủy viên của Ban Chấp hành Hiệp hội; bầu và miễn nhiệm Trưởng ban, các ủy viên của Ban Kiểm tra Hiệp hội;

e) Thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có);

g) Quyết định việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể và việc đổi tên Hiệp hội theo đề nghị của Ban Chấp hành Hiệp hội (nếu có);

h) Thảo luận và thông qua nghị quyết của Đại hội; quyết định các nội dung khác theo yêu cầu của hơn 1/2 số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội.

Điều 19. Đại hội Hiệp hội bất thường

Đại hội Hiệp hội bất thường được triệu tập theo đề nghị của Chủ tịch Hiệp hội hoặc khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hiệp hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị để giải quyết các vấn đề cấp bách, hoặc do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu với lý do chính đáng theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Nội dung thư triệu tập Đại hội Hiệp hội

Thư triệu tập Đại hội Hiệp hội phải nêu rõ chương trình nghị sự, thời gian,

địa điểm tổ chức Đại hội và được gửi đến các hội viên tham dự ít nhất 2 tuần trước ngày họp.

Điều 21. Thể thức thông qua nghị quyết

Các nghị quyết của Đại hội Hiệp hội được thông qua bằng biểu quyết (bằng hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do Đại hội quyết định) phải được quá 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tán thành. Mỗi hội viên chính thức có 1 phiếu bầu. Trong trường hợp không thể tham dự Đại hội Hiệp hội, người đại diện theo pháp luật của hội viên như đã nêu tại Điều 11 của Điều lệ này có thể ủy quyền cho người khác tham dự thay nhưng không được ứng cử, đề cử vào các chức danh lãnh đạo của Hiệp hội (trừ trường hợp người được ủy quyền là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của tổ chức hội viên).

Mục II

BAN CHẤP HÀNH HIỆP HỘI

Điều 22. Cơ cấu, cách thức bầu và nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hiệp hội

1. Ban Chấp hành Hiệp hội (sau đây gọi tắt là Ban chấp hành) do Đại hội Hiệp hội bầu ra để lãnh đạo mọi hoạt động của Hiệp hội trong thời gian giữa 2 kỳ Đại hội. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội Hiệp hội quyết định

nhưng không dưới 9 thành viên và được bầu trong số hội viên chính thức của Hiệp hội.

2. Ban Chấp hành bao gồm:

- Chủ tịch Hiệp hội;

- Phó chủ tịch Hiệp hội. Số lượng Phó chủ tịch có từ 1 đến 2 người do Ban Chấp hành quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hiệp hội, trong đó có 1 Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký;

- Các ủy viên Ban chấp hành.

3. Ban Chấp hành được bầu theo phương thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Danh sách đề cử, ứng cử và phương thức bầu cử phải được Đại hội thông qua. Trường hợp bổ sung, thay thế các ủy viên Ban Chấp hành trong số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội Hiệp hội quyết định, Ban Chấp hành được bầu bổ sung ủy viên mới do Chủ tịch Hiệp hội giới thiệu.

4. Chủ tịch, Phó chủ tịch (trừ Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký) và các ủy viên Ban Chấp hành làm việc theo chế độ không chuyên trách, không hưởng lương nhưng được hưởng thù lao công vụ và công tác phí do Ban Chấp hành thông qua. Người được bầu làm Chủ tịch, Phó chủ tịch, ủy viên của Ban Chấp hành khi thôi không còn giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) tại tổ chức hội viên của Hiệp hội thì đương nhiên thôi không giữ chức vụ được bầu tại Hiệp hội. Ban Chấp hành được lựa chọn và bầu Chủ tịch mới trong số ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội bầu.

5. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ của Đại hội Hiệp hội. Thành viên của Ban Chấp hành có thể bị miễn nhiệm trước thời hạn theo quyết định của Đại hội Hiệp hội hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban chấp hành

1. Nghiên cứu và đề ra những công việc, biện pháp cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệp hội và nghị quyết của Đại hội Hiệp hội; quyết định kế hoạch, chương trình công tác hàng năm hoặc giữa các kỳ họp của Ban chấp hành.

2. Quyết định các vấn đề về tổ chức, hoạt động và tài chính của Hiệp hội, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội Hiệp hội.

3. Thông qua việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Tổng thư ký trong số các Phó chủ tịch Hiệp hội theo đề nghị của Chủ tịch Hiệp hội; thông qua việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Phó Tổng thư ký, Trưởng các ban chuyên môn của Cơ quan Thường trực Hiệp hội và người đứng đầu văn phòng đại diện, các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hiệp hội theo đề nghị bằng văn bản của Tổng thư ký.

4. Quyết định biên chế và tổ chức bộ máy, lao động, chế độ tài chính, chế độ tiền lương của Cơ quan Thường trực Hiệp hội, văn phòng đại diện, các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hiệp hội; đề nghị về chế độ phụ cấp công vụ cho các ủy

viên Ban Chấp hành và Ban kiểm tra Hiệp hội để Đại hội Hiệp hội thông qua.

5. Ban hành Quy chế về tổ chức, hoạt động và quản lý tài chính của Ban Chấp hành Hiệp hội và Cơ quan Thường trực Hiệp hội.

6. Quy định thể thức cử đại biểu đi dự Đại hội Hiệp hội; chuẩn bị chương trình nghị sự và triệu tập Đại hội Hiệp hội.

7. Thông qua kế hoạch và quyết toán tài chính nhiệm kỳ của Hiệp hội do Tổng thư ký đệ trình để trình Đại hội Hiệp hội xem xét, quyết định; thông qua kế hoạch và quyết toán tài chính hàng năm của Hiệp hội do Tổng thư ký trình.

8. Quy định thể thức đóng góp phí hội viên hàng năm trên cơ sở các nguyên tắc đã được Đại hội Hiệp hội thông qua.

9. Xem xét, quyết định việc kết nạp hội viên mới, giải quyết việc hội viên ra khỏi Hiệp hội theo quy định.

10. Giải quyết các vấn đề phát sinh giữa các kỳ Đại hội Hiệp hội.

Điều 24. Cơ chế hoạt động của Ban chấp hành

1. Ban Chấp hành họp định kỳ 6 tháng 1 lần hoặc bất thường theo yêu cầu của ít nhất 2/3 số ủy viên Ban chấp hành, hoặc theo triệu tập của Chủ tịch Hiệp hội. Trường hợp không tổ chức họp thì các nội dung họp định kỳ phải gửi xin ý kiến của các thành viên Ban Chấp hành bằng văn bản.

2. Các cuộc họp của Ban Chấp hành chỉ có giá trị khi có ít nhất 2/3 số ủy viên Ban Chấp hành có mặt.

3. Các nghị quyết và quyết định của kỳ họp được thông qua bằng biểu quyết (bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do Ban Chấp hành quyết định) phải được quá 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành có mặt tán thành; trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau thì ý kiến của bên có phiếu của Chủ tịch Hiệp hội có giá trị quyết định.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch và các Phó chủ tịch Hiệp hội

1. Chủ tịch Ban Chấp hành đồng thời là Chủ tịch Hiệp hội, có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Là đại diện theo pháp luật của Hiệp hội trong các hoạt động đối nội, đối ngoại;

b) Chỉ đạo và điều hành hoạt động của Ban Chấp hành trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành Hiệp hội;

c) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và toàn thể hội viên về các hoạt động của Hiệp hội;

d) Ký bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của Cơ quan Thường trực Hiệp hội đã được Ban Chấp hành thông qua. Phê duyệt, bổ nhiệm và miễn nhiệm chức danh còn lại của các Ban, Văn phòng thuộc Cơ quan Thường trực Hiệp hội, văn phòng đại diện, các tổ

chức, đơn vị trực thuộc Hiệp hội theo đề nghị của Tổng thư ký;

đ) Chủ trì Đại hội Hiệp hội và các cuộc họp của Ban chấp hành;

e) Chủ trì các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng với Cơ quan Thường trực Hiệp hội và Đại diện Ban kiểm tra Hiệp hội;

g) Thay mặt Ban Chấp hành ký các nghị quyết và văn bản thuộc thẩm quyền của Ban chấp hành.

2. Các Phó chủ tịch là người giúp việc cho Chủ tịch và được Chủ tịch phân công trách nhiệm trong một số lĩnh vực công tác cụ thể. Khi vắng mặt, Chủ tịch ủy quyền điều hành công việc của Ban Chấp hành cho một Phó chủ tịch.

Mục III

BAN KIỂM TRA HIỆP HỘI

Điều 26. Cơ cấu, thể thức bầu và nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra Hiệp hội

1. Ban Kiểm tra Hiệp hội (sau đây gọi tắt là Ban Kiểm tra) do Đại hội Hiệp hội bầu ra để kiểm tra mọi hoạt động của Hiệp hội trong thời gian giữa 2 kỳ đại hội. Số lượng ủy viên của Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định nhưng không dưới 3 ủy viên được bầu trong số hội viên chính thức của Hiệp hội. Trong số các ủy viên của Ban Kiểm tra có ít nhất 1 ủy viên chuyên trách được hưởng lương

theo chế độ tài chính của Hiệp hội, các ủy viên kiêm nhiệm hưởng thù lao công vụ và công tác phí như đối với ủy viên Ban chấp hành.

2. Điều hành hoạt động của Ban Kiểm tra là Trưởng ban do Đại hội Hiệp hội bầu. Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động do Ban Chấp hành ban hành.

Điều 27. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra

1. Kiểm tra tư cách hội viên.

2. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban chấp hành, Cơ quan Thường trực Hiệp hội, chi hội, văn phòng đại diện, các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hiệp hội và các hội viên trong việc chấp hành Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động, quản lý tài chính, các nghị quyết của Đại hội Hiệp hội và của Ban chấp hành.

3. Kiểm tra, thông báo với hội viên và kiến nghị xử lý các vấn đề do Ban Chấp hành hoặc hội viên đề nghị.

4. Ban kiểm tra có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra và có quyền kiến nghị những giải pháp cần thiết để Đại hội Hiệp hội và Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

5. Trưởng ban Kiểm tra trong trường hợp không là ủy viên Ban chấp hành, được thay mặt Ban Kiểm tra tham dự các kỳ họp của Ban Chấp hành nhưng không có quyền biểu quyết.

Mục IV

CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC HIỆP HỘI

Điều 28. Chức năng, cơ cấu của Cơ quan thường trực Hiệp hội

1. Cơ quan Thường trực Hiệp hội (sau đây gọi tắt là Cơ quan Thường trực) là cơ quan của Hiệp hội, có chức năng trực tiếp tham mưu cho Ban Chấp hành và tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hiệp hội được quy định tại Điều lệ này, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội Hiệp hội, Nghị quyết của Ban Chấp hành và sự chỉ đạo của Chủ tịch Hiệp hội khi đã có sự thống nhất ý kiến của Ban chấp hành.

2. Cơ quan Thường trực gồm:

- Tổng thư ký, Phó tổng thư ký;
- Văn phòng, các ban chuyên môn; văn phòng đại diện; các tổ chức, đơn vị trực thuộc.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự chủ chốt của Cơ quan Thường trực (bao gồm Tổng thư ký, Phó Tổng thư ký, các trưởng và phó trưởng ban chuyên môn, chánh văn phòng và phó chánh văn phòng, người đứng đầu văn phòng đại diện, các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hiệp hội).

Điều 29. Tổng thư ký Hiệp hội

1. Tổng thư ký do Ban Chấp hành bầu trong số các Phó chủ tịch Hiệp hội và là người lãnh đạo cao nhất của Cơ quan Thường trực;

2. Tổng thư ký phải là người có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý điều hành, trình độ chuyên môn về kinh tế - tài chính - ngân hàng và về QTDND.

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng thư ký

1. Trực tiếp điều hành và chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động nghiệp vụ hàng ngày của Cơ quan Thường trực theo đúng pháp luật, Điều lệ Hiệp hội, nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành và chỉ đạo của Chủ tịch Hiệp hội.

2. Đề xuất việc thành lập các Ban chuyên môn, văn phòng đại diện, các tổ chức, đơn vị trực thuộc để trình Ban Chấp hành xem xét, quyết định; trình Ban Chấp hành ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý tài chính và tài sản của Cơ quan Thường trực.

3. Đề nghị Ban Chấp hành bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Phó tổng thư ký, Trưởng ban, Chánh văn phòng và người lãnh đạo cao nhất của văn phòng đại diện, các tổ chức, đơn vị trực thuộc; đề nghị Chủ tịch Hiệp hội bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo còn lại của Cơ quan Thường trực, văn phòng đại diện, các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hiệp hội; ký kết hoặc kết thúc hợp đồng lao động, điều chuyển, xử lý kỷ luật lao động đối với cán bộ, nhân viên tại Cơ quan Thường trực, văn phòng đại diện, các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hiệp hội thuộc

thẩm quyền quản lý của Tổng thư ký và theo quy định của pháp luật về lao động.

4. Đề nghị Ban Chấp hành xem xét, quyết định về chế độ tiền lương và mức lương của cán bộ, nhân viên của Cơ quan Thường trực, văn phòng đại diện, các tổ chức, đơn vị trực thuộc.

5. Ban hành nội quy lao động và quy định về lễ lối làm việc của Cơ quan Thường trực.

6. Ký các báo cáo, văn bản, hợp đồng, chứng từ có liên quan đến hoạt động của Hiệp hội thuộc phạm vi thẩm quyền đồng thời chịu trách nhiệm quản lý giấy tờ, tài liệu giao dịch của Hiệp hội.

7. Chủ tài khoản của Hiệp hội; chủ quản tạp chí, sách, báo xuất bản (nếu có) của Hiệp hội.

8. Thực hiện các hoạt động đối nội, đối ngoại của Hiệp hội.

9. Chuẩn bị và trình Ban Chấp hành các báo cáo công tác 6 tháng, dự thảo báo cáo năm và báo cáo nhiệm kỳ về hoạt động và tài chính của Hiệp hội; tổ chức hậu cần, lễ tân và thư ký các phiên họp của Ban Chấp hành và của Đại hội Hiệp hội.

10. Quản lý danh sách, hồ sơ và tài liệu về các hội viên, chi hội, văn phòng đại diện, các tổ chức, đơn vị trực thuộc.

11. Giải quyết các công việc khác của Hiệp hội khi được Chủ tịch Hiệp hội ủy quyền.

12. Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp

hành và trước pháp luật về các hoạt động của Cơ quan Thường trực và của Hiệp hội trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Điều 31. Phó Tổng thư ký

Phó Tổng thư ký là người giúp Tổng thư ký điều hành một số lĩnh vực công tác cụ thể theo sự phân công của Tổng thư ký. Một Phó Tổng thư ký được Tổng thư ký ủy quyền điều hành công việc của Cơ quan Thường trực khi Tổng thư ký vắng mặt.

Điều 32. Các Ban chuyên môn và Văn phòng

1. Các Ban chuyên môn và Văn phòng Hiệp hội được thành lập và giải thể do Ban Chấp hành Hiệp hội quyết định theo đề nghị của Tổng thư ký. Tổ chức và hoạt động của các đơn vị này theo Quy chế do Tổng thư ký ban hành.

2. Việc lãnh đạo, điều hành và quản lý, phân công lao động trong từng Ban hoặc Văn phòng do Trưởng ban hoặc Chánh Văn phòng đảm nhiệm. Giúp việc cho Trưởng ban hoặc Chánh văn phòng có Phó trưởng ban hoặc Phó chánh văn phòng.

Mục V

CHI HỘI, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CÁC TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 33. Chi hội

1. Tùy theo yêu cầu thực tế và khả năng phát triển của các QTDND hội viên, Hiệp hội được thành lập Chi hội tại các tỉnh có nhiều QTDND cơ sở hoặc ở khu vực gồm một số tỉnh có QTDND để thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ do Hiệp hội ủy quyền tại các địa phương nói trên.

2. Nhiệm kỳ của Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể của Chi hội có cùng nhiệm kỳ với Đại hội của Hiệp hội. Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể của Chi hội bầu ra Ban Chấp hành Chi hội để điều hành hoạt động của Chi hội.

3. Các vấn đề về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi hội do Ban Chấp hành Hiệp hội quy định phù hợp với pháp luật và Điều lệ này.

Điều 34. Văn phòng đại diện

Tùy theo nhu cầu hoạt động và điều kiện thực tế, Hiệp hội được thành lập Văn phòng đại diện ở những nơi cần thiết theo quy định của pháp luật. Văn phòng đại diện có các nhiệm vụ, quyền hạn do Ban Chấp hành Hiệp hội quy định theo đề nghị của Tổng thư ký.

Điều 35. Các tổ chức, đơn vị trực thuộc

1. Hiệp hội được thành lập một số tổ chức, đơn vị trực thuộc để thực hiện các hoạt động dịch vụ, tư vấn trên cơ sở thu phí theo nguyên tắc lấy thu bù chi, không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả và bảo đảm an

toàn trong hoạt động của các QTDND hội viên và của cả hệ thống QTDND.

2. Việc thành lập các tổ chức, đơn vị trực thuộc tùy theo nhu cầu thực tế, khả năng phát triển của Hiệp hội và phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

3. Các vấn đề về tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức, đơn vị trực thuộc do Ban Chấp hành Hiệp hội quy định phù hợp với pháp luật và Điều lệ này.

Chương V

CÁC QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH

Điều 36. Năm tài chính

Năm tài chính của Hiệp hội bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Điều 37. Thực hiện chế độ tài chính

Tài chính của Hiệp hội do Đại hội quyết định trên nguyên tắc tự trang trải, theo Quy chế tài chính do Ban Chấp hành ban hành, phù hợp với các quy định của pháp luật về tài chính kế toán hiện hành và đặc thù của Hiệp hội. Tài chính của Hiệp hội được Ban Kiểm tra thẩm định và báo cáo hàng năm cho hội viên.

Điều 38. Các khoản thu

Thế thức và mức hội phí đóng góp hàng năm vào Hiệp hội do Ban Chấp hành quy định theo các nguyên tắc đã

được Đại hội Hiệp hội thông qua. Các khoản thu của Hiệp hội bao gồm:

1. Phí gia nhập Hiệp hội: Là khoản phí mà hội viên đóng góp một lần duy nhất khi gia nhập Hiệp hội.

2. Hội phí: Gồm hội phí cố định và hội phí biến đổi:

a) Hội phí cố định: Là loại hội phí được quy định ở một mức chung cho tất cả các hội viên nhằm đảm bảo sự bình đẳng giữa các hội viên. Mức hội phí cố định giao Ban Chấp hành quyết định.

b) Hội phí biến đổi: Là loại hội phí được xác định bằng tỷ lệ phần trăm tính trên tổng tài sản Có sinh lời của hội viên nhằm đảm bảo sự đóng góp công bằng, hợp lý giữa các hội viên và không quá 6 lần so với hội phí cố định. Tỷ lệ phần trăm tính trên tổng tài sản Có sinh lời của hội viên giao Ban Chấp hành quyết định.

3. Thu từ hoạt động kinh doanh, phí đào tạo, dịch vụ, tư vấn được tính trên cơ sở thỏa thuận giữa Hiệp hội và các QTDND.

4. Các khoản thu từ việc quản lý các nguồn vốn của Hiệp hội.

5. Các khoản hỗ trợ của Nhà nước, tài trợ hợp pháp của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước;

6. Các khoản thu khác.

Điều 39. Các khoản chi

Các khoản chi của Hiệp hội bao gồm:

1. Chi cho hoạt động của Ban chấp hành, Ban kiểm tra, Cơ quan thường trực, Chi hội và Văn phòng đại diện, Đại hội Hiệp hội, các hội nghị và tiền thuê trụ sở;

2. Chi lương và các chế độ khác cho cán bộ, nhân viên của Hiệp hội;

3. Chi phục vụ công tác chuyên môn;

4. Mua sắm trụ sở, tài sản, vật tư, thiết bị;

5. Chi xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất;

6. Chi đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ về QTDND;

7. Chi khen thưởng;

8. Các khoản chi khác.

Điều 40. Thu, chi tài chính của các tổ chức pháp nhân trực thuộc

Việc thu, chi tài chính của các tổ chức pháp nhân trực thuộc Hiệp hội được thực hiện theo quy định Ban Chấp hành Hiệp hội phù hợp với pháp luật hiện hành.

Chương VI

CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ HIỆP HỘI

Điều 41. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể

1. Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hiệp hội được đưa ra thảo

luận trong Ban Chấp hành để trình Đại hội Hiệp hội quyết định. Sau khi có nghị quyết của Đại hội Hiệp hội về việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hiệp hội, Ban Chấp hành đề nghị Bộ Nội vụ quyết định.

2. Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hiệp hội được thực hiện theo quy định của Bộ Luật dân sự.

3. Việc lập Hiệp hội mới sau khi đã có nghị quyết của Đại hội Hiệp hội về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Hiệp hội được thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Điều 42. Hiệp hội tự giải thể

1. Hiệp hội tự giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Hiệp hội hết thời hạn hoạt động;
 - b) Theo đề nghị của quá 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức.
2. Khi Hiệp hội tự giải thể, Ban Chấp hành có trách nhiệm:
- a) Gửi Bộ Nội vụ các văn bản sau:
 - Đơn đề nghị giải thể Hiệp hội;
 - Nghị quyết của Đại hội Hiệp hội về việc giải thể Hiệp hội;
 - Bản kê tài sản, tài chính của Hiệp hội;
 - Dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ của Hiệp hội.

b) Thông báo thời hạn thanh toán nợ (nếu có) cho các cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật trên 5 số báo liên tiếp ở trung ương.

Điều 43. Hiệp hội bị giải thể

Hiệp hội bị giải thể theo quyết định của Bộ Nội vụ trong các trường hợp sau:

1. Hiệp hội không hoạt động liên tục 12 tháng;
2. Khi có nghị quyết của Đại hội về việc giải thể mà Ban lãnh đạo Hiệp hội không chấp hành;
3. Khi hoạt động của Hiệp hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Điều 44. Giải quyết tài sản, tài chính khi Hiệp hội giải thể; hợp nhất; sáp nhập; chia tách

1. Giải quyết tài sản, tài chính của Hiệp hội khi Hiệp hội tự giải thể hoặc bị giải thể:

a) Tài sản, tài chính do các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ mà Hiệp hội đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài sản và thanh toán các khoản nợ thì số tài sản, số dư tài chính còn lại do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định;

b) Đối với nguồn tài sản, tài chính tự có của Hiệp hội mà Hiệp hội đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài sản và thanh toán các khoản nợ sau khi Hiệp hội tự giải thể thì số tài sản và số dư tài chính

còn lại được phân bổ theo Nghị quyết của Hiệp hội; trường hợp Hiệp hội bị giải thể thì số tài sản và số dư tài chính còn lại này được phân bổ theo quyết định của Ban thanh lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập.

2. Giải quyết tài sản, tài chính của Hiệp hội khi Hiệp hội hợp nhất:

a) Sau khi hợp nhất thành Hiệp hội mới, Hiệp hội cũ chấm dứt tồn tại, Hiệp hội mới được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, các hợp đồng dịch vụ mà Hiệp hội cũ đang thực hiện;

b) Tài sản, tài chính của Hiệp hội hợp nhất không được phân chia, chuyển dịch mà được chuyển giao toàn bộ cho Hiệp hội mới.

3. Giải quyết tài sản, tài chính của Hiệp hội khi Hiệp hội sáp nhập:

a) Hiệp hội được sáp nhập vào Hiệp hội khác thì tài sản, tài chính của Hiệp hội được sáp nhập chuyển giao cho Hiệp hội sáp nhập;

b) Hiệp hội sáp nhập được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp về tài sản, tài chính hiện có của Hiệp hội được sáp nhập, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán về tài sản, tài chính và các hợp đồng dịch vụ đang thực hiện.

4. Giải quyết tài sản, tài chính của Hiệp hội khi chia, tách:

a) Sau khi chia Hiệp hội, Hiệp hội bị chia chấm dứt hoạt động; quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính được chuyển giao cho Hiệp hội mới theo quyết định chia Hiệp hội;

b) Sau khi tách, các Hiệp hội mới thực hiện quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính phù hợp với mục đích hoạt động của mình.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 45. Khen thưởng

Hội viên, cán bộ, nhân viên và các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng, phát triển Hiệp hội sẽ được Ban Chấp hành Hiệp hội khen thưởng theo quy định của Hiệp hội hoặc đề nghị cơ quan cấp trên khen thưởng.

Điều 46. Kỷ luật

Hội viên, cán bộ, nhân viên của Hiệp hội vi phạm pháp luật, Điều lệ Hiệp hội, nghị quyết của Đại hội Hiệp hội và của Ban chấp hành, gây tổn hại đến uy tín và lợi ích của Hiệp hội sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VIII**CƠ CẤU, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ****Điều 47. Cơ cấu, sửa đổi, bổ sung
và hướng dẫn thực hiện Điều lệ**

1. Điều lệ này bao gồm 8 Chương và 47 Điều, đã được Đại hội lần thứ nhất của

Hiệp hội QTDND Việt Nam thông qua ngày 08 tháng 10 năm 2005.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội Hiệp hội quyết định và phải được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hiệp hội chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, thực hiện Điều lệ này./.